

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1257/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 864/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/QĐST – HNGĐ ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thảo H, sinh năm 1982 (Có mặt)
Thường trú: Phường A, quận Tân Phú.

Bị đơn: Ông Thi Ngọc T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Thường trú: Phường A, quận Tân Phú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo H trình bày:

Bà và ông Thi Ngọc T tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ

Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH/HT quyền số 01/2005, ngày 17/02/2005. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình cha mẹ chồng. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Ông T không phụ giúp cho bà về kinh tế. Mỗi người tự lo cuộc sống cho mình, thu nhập của ai người đó sử dụng. Ông T có biểu hiện thiếu chung thủy. Vợ chồng thiếu sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2009 nhưng thực tế vẫn sống chung nhà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thi Ngọc T có lời khai thể hiện:

Thời gian kết hôn và chung sống đúng như bà H trình bày. Trong quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Ông vẫn còn thương vợ, thương con và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con chung và con có đầy đủ cha mẹ nên ông nên không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông bà khai có 01 con chung là trẻ Thi Ngọc Anh N sinh ngày 15/11/2005. Ông T có yêu cầu nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông xin được nuôi con chung. Hiện tại bà H sống chung với gia đình nhà chồng có nơi ở ổn định nên không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con, xáo trộn về chỗ ở, nên bà đồng ý để con chung cho ông T nuôi dưỡng. Bà không đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai của các bên và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà H và ông T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa để hai bên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, lời trình bày của ông T không được bà H chấp nhận. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Ông bà khai có 01 con chung, ông T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Bà H đồng ý. Căn cứ Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là trẻ Thi Ngọc Anh N sinh ngày 15/11/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông T không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà khai không có nên không xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông T hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH/Htquyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/02/2005, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thảo H và ông Thi Ngọc T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà H nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn, ông T không đồng ý.

Xét, lời khai của các bên đương sự, văn bản xác minh tại địa phương, các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà H, ông T chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Thực tế bà H, ông T vẫn sống chung nhà nhưng không có tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông T không đến Tòa để hai bên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân cần được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và tình cảm từ hai phía, nay bà H xác định không còn tình cảm gì với ông T. Ông T cho rằng còn thương vợ, thương con mong muốn được đoàn tụ gia đình, đây là tình cảm chỉ xuất phát đơn phương từ phía ông T, bà H không đồng ý.

Mặt khác, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được phương hướng khắc phục để vợ chồng chung sống hạnh phúc nên bà H vẫn không chấp nhận. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có

nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.Thực tế bà H, ông T sống chung nhà nhưng việc ai người ấy làm, không quan tâm chia sẻ thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó ông T yêu cầu được đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà H, ông T cùng khai có 01 con chung trẻ Thi Ngọc Anh N sinh ngày 15/11/2005. Ông bà cùng thống nhất giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ xin được ở với ba. Ông T không yêu cầu bà H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thảo H được ly hôn với ông Thi Ngọc T. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH/HT quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/02/2005, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Thi Ngọc Anh N sinh ngày 15/11/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông T chưa có yêu cầu.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà H

hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Ông bà khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thảo H chịu 300.000đồng được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0011618 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UNND P. B, Q. Tân Phú
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương